

BẢNG TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN THEO HỢP ĐỒNG THÁNG 01 NĂM 2026

ĐVT: đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Mức lương tối thiểu vùng	Trừ các khoản BH	Thực lĩnh	Phụ cấp		TỔNG CỘNG	Ký nhận
						HS PC trách nhiệm	Thực lĩnh		
1	Lê Thị Thúy Hiền	Nhân viên nuôi dưỡng	5.310.000	557.550	4.752.450			4.752.450	
2	Nguyễn T Thu Hiền	Nhân viên nuôi dưỡng	5.310.000	557.550	4.752.450	0,15	351.000	5.103.450	
3	Đào Thị Thanh Huyền	Nhân viên nuôi dưỡng	5.310.000	557.550	4.752.450			4.752.450	
4	Hoàng Quang Nghĩa	Nhân viên nuôi dưỡng	5.310.000	557.550	4.752.450			4.752.450	
5	Lương Thị Thu Hằng	Nhân viên nuôi dưỡng	5.310.000	557.550	4.752.450			4.752.450	
6	Phạm Thị Thanh B	Nhân viên nuôi dưỡng	5.310.000	557.550	4.752.450			4.752.450	
7	Lưu Văn Bảy	Nhân viên bảo vệ	5.310.000	557.550	4.752.450			4.752.450	
8	Nguyễn Duy Hoàng	Nhân viên bảo vệ	5.310.000	557.550	4.752.450			4.752.450	
9	Ngô Ngọc Quyền	Nhân viên bảo vệ	5.310.000	557.550	4.752.450			4.752.450	
	Tổng cộng		47.790.000	5.017.950	42.772.050	0,15	351.000	43.123.050	

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi ba triệu một trăm hai mươi ba nghìn không trăm năm mươi đồng chẵn./.

Kế toán

Âu Thị Lý

Ngày 13 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thanh Xuân

UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG MẦM NON GIA THUY

BẢNG LƯƠNG NGÂN SÁCH THÁNG 01/2026 (Mức lương 2.340.000 đồng)

Stt	Họ và tên	Hệ số lương				Phụ cấp lương								HS phụ cấp ngành	Phụ cấp ngành	HS phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp trách nhiệm	Số thực lĩnh	Ký nhậ n
		HS lương	Thành tiền	Trừ BH	Thực lĩnh	PCC V	Thành tiền	Trừ BH	Thực lĩnh	HS phụ cấp thâm niên	Thành tiền	Trừ BH	Thực lĩnh						
1	Nguyễn T Thanh Xuân	4,65	10.881.000	1.142.505	9.738.495	0,5	1.170.000	122.850	1.047.150	1,2875	3.012.750	316.339	2.696.411	1,803	4.217.850			17.699.906	
2	Nguyễn T Ngọc Nhung	3,66	8.564.400	899.262	7.665.138	0,35	819.000	85.995	733.005	0,8822	2.064.348	216.757	1.847.591	1,404	3.284.190			13.529.924	
3	Hoàng Giáng Ngọc	3,66	8.564.400	899.262	7.665.138	0,35	819.000	85.995	733.005	0,5213	1.219.842	128.083	1.091.759	1,404	3.284.190			12.514.092	
	BGH	11,97	28.009.800	2.941.029	25.068.771	1,20	2.808.000	294.840	2.513.160	2,691	6.296.940	661.179	5.635.761	4,610	10.786.230			14.003.922	
1	Nguyễn Thị Kim Oanh	4,27	9.991.800	1.049.139	8.942.661					1,0675	2.497.950	262.285	2.235.665	1,495	3.497.130			14.675.456	
2	Ngô Minh Thu	3,66	8.564.400	899.262	7.665.138					0,6588	1.541.592	161.867	1.379.725	1,281	2.997.540			12.042.403	
3	Ng Phương Thanh	3,65	8.541.000	896.805	7.644.195					0,657	1.537.380	161.425	1.375.955	1,278	2.989.350			12.009.500	
4	Phạm Thị Thanh	3,99	9.336.600	980.343	8.356.257					0,7581	1.773.954	186.265	1.587.689	1,397	3.267.810	0,15	351.000	13.562.756	
5	Phạm Thị Thu Hiền	3,66	8.564.400	899.262	7.665.138					0,5124	1.199.016	125.897	1.073.119	1,281	2.997.540	0,20	468.000	12.203.797	
6	Dặng Thị Thu Hương	3,66	8.564.400	899.262	7.665.138					0,5124	1.199.016	125.897	1.073.119	1,281	2.997.540			11.735.797	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3636	850.824	89.336,0	761.488	1,061	2.481.570			9.588.787	
8	Lê Thị Thanh Huyền	3,34	7.815.600	820.638	6.994.962					0,4676	1.094.184	114.889	979.295	1,169	2.735.460			10.709.717	
9	Trần Thị Kiều Anh	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3939	921.726	96.781	824.945	1,061	2.481.570			9.652.244	
10	Nguyễn Thị Trang	3,34	7.815.600	820.638	6.994.962					0,4676	1.094.184	114.889	979.295	1,169	2.735.460			10.709.717	
11	Phạm Thị Xuân	3,34			0					0,4676		0	0	1,169	2.735.460			2.735.460	TS. 11.00
12	Nguyễn Thị Hương	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019					0,3996	935.064	98.182	836.882	1,166	2.727.270	0,15	351.000	10.889.171	
13	Nguyễn Thị Thanh Hoài	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3939	921.726	96.781	824.945	1,061	2.481.570			9.652.244	
14	Nguyễn Thị Hiền	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,333	779.922	81.892	698.030	1,061	2.481.570	0,15	351.000	9.876.329	
15	Lương Thị Bích Vân	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,303	709.020	74.447	634.573	1,061	2.481.570			9.461.872	

Stt	Họ và tên	Hệ số lương				Phụ cấp lương								HS phụ cấp ngành	Phụ cấp ngành	HS phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp trách nhiệm	Số thực lĩnh	Ký nhậ n
		HS lương	Thành tiền	Trừ BH	Thực lĩnh	PCC V	Thành tiền	Trừ BH	Thực lĩnh	HS phụ cấp thâm niên	Thành tiền	Trừ BH	Thực lĩnh						
16	Vũ Thị Thu Thủy	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,303	709.020	74.447	634.573	1,061	2.481.570			9.461.872	
17	Trần Thị Thanh Tâm	2,72	6.364.800	668.304	5.696.496					0,2448	572.832	60.147	512.685	0,952	2.227.680			8.436.861	
18	Nguyễn Thị Thái	2,72	6.364.800	668.304	5.696.496					0,2992	700.128	73.513	626.615	0,952	2.227.680			8.550.791	
19	Nguyễn Thị Hương	2,72	6.364.800	668.304	5.696.496					0,2176	509.184	53.464	455.720	0,952	2.227.680			8.379.896	
20	Nguyễn Thị Hương	2,72	6.364.800	668.304	5.696.496					0,2448	572.832	60.147	512.685	0,952	2.227.680			8.436.861	
21	Nguyễn Thị Bón	2,72	6.364.800	668.304	5.696.496					0,2176	509.184	53.464	455.720	0,952	2.227.680			8.379.896	
22	Ng Thị Thu Hương	2,72	6.364.800	668.304	5.696.496					0,2448	572.832	60.147	512.685	0,952	2.227.680			8.436.861	
23	Nguyễn Thị Quỳnh	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,303	709.020	74.447	634.573	1,061	2.481.570			9.461.872	
24	Ng Thị Thanh Hoa	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019					0,4329	1.012.986	106.364	906.622	1,166	2.727.270		0	10.607.911	
	GV biên chế	77,10	172.598.400	18.122.832	154.475.568	0,00	0,00	0,00	0,00	10,2640	22.923.576	2.406.975	20.516.601	26,985	63.144.900	0,65	1.521.000	239.658.069	
1	Âu Thị Lý	3,96	9.266.400	972.972	8.293.428											0,1	234.000	8.527.428	
2	Phạm Thanh Hương	2,86	6.692.400	702.702	5.989.698											0,20	468.000	6.457.698	
3	Trần Thị Luyến	3,26	7.628.400	800.982	6.827.418									0,652	1.525.680			8.353.098	
	BC khối văn phòng	10,08	23.587.200	2.476.656	21.110.544									0,652	1.525.680	0	702.000	23.338.224	
	Tổng cộng biên chế:	99,15	224.195.400	23.540.517	200.654.883	1,20	2.808.000	294.840	2.513.160	12,9550	29.220.516	3.068.154	26.152.362	32,2465	75.456.810	0,95	2.223.000	307.000.215	

Số tiền bằng chữ: Ba trăm linh bảy triệu hai trăm mười lăm đồng chẵn./.

Bỏ Đẻ, ngày 23 tháng 01 năm 2026

KẾ TOÁN



Âu Thị Lý



Nguyễn Thị Thanh Xuân